TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-PT
Ngày 02-4-2019
V/v tranh chấp về quyền sử dụng đất, đòi lại tài sản và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lan

Ông Đặng Văn Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hoàng Huy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp về quyền sử dụng đất, đòi lại tài sản và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện HTB bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 43/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị H, sinh năm 1969 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn PhĐ, xã HH, huyện HTB, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn Tr, sinh năm 1978 và bà Ngô Thị Bích Tr1, sinh năm 1980. (cả hai đều có mặt)
Địa chỉ: Thôn PhĐ, xã HH, huyện HTB, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Lê Thị S, sinh năm 1952 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn ĐGi, xã ĐTh, huyện TL, tỉnh Bình Thuận.

2. Bà Lê Thị B, sinh năm 1951 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn Xuân Điền, xã HH, huyện HTB, tỉnh Bình Thuận.

3. Bà Lê Thị Ch; (vắng mặt)

3. Bà Lê Thị B1; (vắng mặt)

4. Bà Lê Thị H1; (vắng mặt)

5. Bà Lê Thị M; (vắng mặt)

6. Ông Lê Trọng S1; (vắng mặt)

7. Bà Lê Thị H2; (vắng mặt)

8. Bà Lê Thị H3; (vắng mặt)

9. Bà Lê Thị Th; (vắng mặt)

10. Ông Lê Trọng Th1; (vắng mặt)

11. Ông Lê Trọng H4; (vắng mặt)

12. Bà Lê Thị Diễm H5; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn PhĐ, xã HH, huyện HTB, tỉnh Bình Thuận.

13. Ủy ban nhân dân huyện HTB (có văn bản từ chối tham gia tố tụng). Địa chỉ: Khu phố LH, thị trấn ML, huyện HTB, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị S và bà Lê Thị Ch: Bà Lê Thị H, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn PhĐ, xã HH, huyện HTB, tỉnh Bình Thuận (Giấy ủy quyền ngày 10/8/2015 và ngày 12/8/2015). (có mặt)

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Lê Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2014, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21 tháng 4 năm 2014, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày: Năm 1990, nguyên đơn được bà Ngô Thị T (mẹ ruột) cho diện tích đất khoảng 2.000m^2 toạ lạc tại Thôn PhĐ, xã HH, HTB, Bình Thuận. Sau đó, nguyên đơn xây dựng nhà, trồng 150 trụ thanh long, xây chuồng heo và đào ao nuôi cá trên đất. Đến năm 1995, do hoàn cảnh khó khăn nên gia đình nguyên đơn chuyển về huyện TL, Bình Thuận sinh sống. Năm 2000, nguyên đơn cho ông Lê Văn Tr thuê diện tích đất trên với giá 5.000.000 đồng/năm. Sau khi mẹ

nguyên đơn mất năm 2013, nguyên đơn gặp ông Tr yêu cầu trả đất để cất nhà ở nhưng ông Tr không trả và hành hung đánh đập nguyên đơn. Hiện nay, ông Lê Văn Tr được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 160830 ngày 06/9/2007, với diện tích 3.319m^2, trong đó có diện tích mà trước đây nguyên đơn cho thuê. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn Tr và bà Ngô Thị Bích Tr1 phải trả lại diện tích đất qua đo đạc hiện trạng là 1.691 m^2, 101 trụ thanh long và 10 trụ gỗ có trên đất, tọa lạc tại Thôn PhĐ, xã HH, huyện HTB. Đối với 48 trụ thanh long và 03 trụ bê tông xi măng của bị đơn trồng trên đất, thì nguyên đơn đồng ý nhận và hoàn lại tiền cho bị đơn theo giá mà Hội đồng định giá đã định. Yêu cầu ông Lê Văn Tr phải bồi thường thiệt hại chi phí điều trị thương tích cho nguyên đơn với số tiền là 137.000 đồng. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Văn Tr và bà Ngô Thị Bích Tr1 trình bày: Diện tích đất và thanh long theo nguyên đơn trình bày, là do vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng từ bà nội Ngô Thị T vào năm 2000 với giá 3.700.000 đồng, khi chuyển nhượng hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không lập giấy tờ cụ thể. Khi nhận chuyển nhượng đất thì trên đất có 137 trụ thanh long, trụ gỗ. Sau này, vợ chồng ông bà khai phá thêm và trồng như hiện nay. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe thì ông Lê Văn Tr đồng ý bồi thường. Đối với yêu cầu trả lại đất và tài sản trên đất thì vợ chồng ông bà không đồng ý, vì đất thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông bà và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị B trình bày: Nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp hiện nay của cha mẹ ruột bà để lại, trước đây ông Lê Văn X và bà Ngô Thị T (là cha mẹ bà) đã tặng cho em là bà Lê Thị H sử dụng, khi cho chỉ thỏa thuận miệng, không lập giấy tờ cụ thể, bà H nhận đất và canh tác trên diện tích đất trên, bà H trồng thanh long, xây dựng nhà, công trình phụ trên đất. Một thời gian thì bà thấy vợ chồng ông Tr, bà Trâm sử dụng diện tích đất trên, bà không rõ các bên có thỏa thuận thuê đất hay không. Theo bà, diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà H, do cha mẹ bà để lại cho bà H. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Tại công văn số 472/UBND-NC ngày 05/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện HTB xác định: Ủy ban nhân dân huyện không tham gia tố tụng tại Tòa. Việc Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 160830 ngày 06/9/2007 đứng tên hộ ông Lê Văn Tr và bà Ngô Thị Bích Tr1 là không đúng quy định đối với diện tích 1.691m^2 đất bà Lê Thị H đã sử dụng trồng thanh long từ năm 1990. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện kiến nghị Tòa án nhân dân huyện thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên; sau khi kết quả giải quyết tranh chấp

có hiệu lực pháp luật, Ủy ban nhân dân huyện sẽ thực hiện việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng các bên đương sự không tự thỏa thuận được và đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, Toà án nhân dân huyện HTB đã đưa vụ án ra xét xử tại bản án số 23/2018/DS-ST, quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 6, khoản 9, khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 256, Điều 604, Điều 605, Điều 609, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 4, Điều 5, Điều 95, Điều 99, Điều 100, Điều 166, khoản 1 Điều 179, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai; Khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H, về việc yêu cầu ông Lê Văn Tr và bà Ngô Thị Bích Tr1 trả lại diện tích đất đo đạc hiện trạng 1.691m^2 tọa lạc tại Thôn PhĐ, xã HH, huyện HTB.

2. Buộc ông Lê Văn Tr và bà Ngô Thị Bích Tr1 phải trả lại cho bà Lê Thị H 101 trụ thanh long và 10 trụ gỗ nằm trên diện tích đất đo đạc hiện trạng 1.691m^2 tọa lạc tại Thôn PhĐ, xã HH, huyện HTB.

3. Buộc ông Lê Văn Tr phải bồi thường cho bà Lê Thị H số tiền là 137.000 đồng (một trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

4. Buộc bà Lê Thị H phải thanh toán cho ông Lê Văn Tr và bà Ngô Thị Bích Tr1 giá trị 48 trụ thanh long và 03 trụ bê tông với số tiền là 18.480.000 đồng (mười tám triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Bà Lê Thị H được quyền sở hữu 48 trụ thanh long và 03 trụ bê tông nằm trên diện tích đất đo đạc hiện trạng 1.691m^2 tọa lạc tại Thôn PhĐ, xã HH, huyện HTB,

5. Kiến nghị ủy ban nhân dân huyện HTB thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 160830 ngày 06/9/2007 cấp đứng tên hộ ông Lê Văn Tr và bà Ngô Thị Bích Tr1, đối với diện tích đất 1.691m^2.

Giao cho bà Lê Thị H tạm thời quản lý diện tích đất 1.691m^2 tọa lạc tại Thôn PhĐ, xã HH, huyện HTB. Ông Lê Văn Tr và bà Ngô Thị Bích Tr1 có nghĩa vụ

giao lại diện tích đất trên cho bà Lê Thị H tạm thời quản lý.

Diện tích đất kiến nghị thu hồi và giao cho bà Lê Thị H tạm thời quản lý có trích đo bản đồ hiện trạng phần đất tranh chấp ngày 01/8/2014 kèm theo.

6. Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

Bà Lê Thị H phải chịu 7.688.000 đồng (bảy triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.150.000 đồng (một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000556 ngày 14/5/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HTB. Bà Lê Thị H còn phải nộp 6.538.000 đồng (sáu triệu năm trăm ba mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Văn Tr và bà Ngô Thị Bích Tr1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Văn Tr phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị H không phải chịu chi phí xem xét tại chỗ và định giá tài sản.

Ông Lê Văn Tr và bà Ngô Thị Bích Tr1 phải chịu 1.200.000 dồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) chi phí xem xét tại chỗ và định giá tài sản, để hoàn trả cho bà Lê Thị H đã nộp tạm ứng chi phí xem xét tại chỗ và định giá tài sản số tiền 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) tại Tòa án nhân dân huyện HTB.

Bà Lê Thị B, bà Lê Thị S, bà Lê Thị Ch, bà Lê Thị B1, bà Lê Thị H1, bà Lê Thị M, ông Lê Trọng S1, bà Lê Thị H2, bà Lê Thị H3, bà Lê Thị Th, ông Lê Trọng Th1, ông Lê Trọng H4, bà Lê Thị Diễm H5 và Ủy ban nhân dân huyện HTB không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét tại chỗ và định giá tài sản.

Ngoài ra, bản án còn tuyên nghĩa vụ do chậm trả tiền, các quy định của Luật thi hành án dân sự và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự biết.

Ngày 09/8/2018, nguyên đơn bà Lê Thị H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Lê Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà.

- Bị đơn ông Lê Văn Tr và bà Ngô Thị Bích Tr1 không đồng ý với kháng cáo của bà Lê Thị H và quyết định của bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án:

+ Về thủ tục: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Kháng cáo của bà Lê Thị H là không có căn cứ nên không chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời khai của đương sự và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê Văn Tr và bà Ngô Thị Bích Tr1 phải trả lại diện tích đất qua đo đạc hiện trạng là 1.691 m^2, 101 trụ thanh long và 10 trụ gỗ có trên đất, tọa lạc tại Thôn PhĐ, xã HH, huyện HTB. Đối với 48 trụ thanh long và 03 trụ bê tông xi măng của bị đơn trồng trên đất, thì bà H đồng ý nhận và hoàn lại tiền cho bị đơn theo giá mà Hội đồng định giá đã định. Ngoài ra, bà H còn yêu cầu ông Lê Văn Tr phải bồi thường thiệt hại chi phí điều trị thương tích cho bà với số tiền là 137.000 đồng.

Tòa án nhân dân huyện HTB thụ lý, giải quyết, đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc ông Lê Văn Tr và bà Ngô Thị Bích Tr1 phải trả lại cho bà Lê Thị H 101 trụ thanh long và 10 trụ gỗ nằm trên diện tích đất đo đạc hiện trạng 1.691 m^2 tọa lạc tại Thôn PhĐ, xã HH, huyện HTB và buộc ông Lê Văn Tr phải bồi thường cho bà Lê Thị H số tiền 137.000 đồng (một trăm ba mươi bảy nghìn đồng) là tiền chi phí điều trị thương tích do bị đơn gây ra.

Bà H chỉ kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của bà về việc yêu cầu ông Lê Văn Tr và bà Ngô Thị Bích Tr1 trả lại diện tích đất đo đạc hiện trạng 1.691m^2 tọa lạc tại Thôn PhĐ, xã HH, huyện HTB cho bà và xem xét lại phần án phí.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị H, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Nguyên đơn bà Lê Thị H cho rằng nguồn gốc diện tích đất tranh chấp, đo đạc hiện trạng 1.691 m^2 tọa lạc tại Thôn PhĐ, xã HH, huyện HTB là của bà Ngô Thị T (mẹ ruột bà H) cho bà. Tuy nhiên, bà H không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ thể hiện diện tích đất này thuộc quyền sử dụng của bà theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Lê Văn Tr và bà Ngô Thị Bích Tr1 trình bày diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông bà, do vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng từ bà nội Ngô Thị T vào năm 2000 với giá 3.700.000 đồng, khi chuyển nhượng hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không lập giấy tờ cụ thể. Ông bà đã được Ủy

ban nhân dân huyện HTB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 160830 ngày 06/9/2007 đối với diện tích đất tranh chấp 1.691 m^2.

Tuy nhiên, công văn số 682/UBND-NC ngày 10/4/2015 của Ủy ban nhân dân huyện HTB xác định diện tích đo đạc hiện trạng 1.691 m^2 hiện đang tranh chấp giữa bà Lê Thị H với ông Lê Văn Tr thuộc thửa đất số 272, diện tích 3.319m^2 có nguồn gốc là đất gốc của gia đình bà Ngô Thị T (mẹ ruột bà Lê Thị H) sử dụng ổn định từ trước năm 1975. Năm 1990, bà Ngô Thị T cho bà H sử dụng. Năm 2000, ông Lê Văn Tr sử dụng đến nay. Cũng tại công văn này, Ủy ban nhân dân huyện HTB xác định trình tự, thủ tục và nội dung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 160830 ngày 06/9/2007 đứng tên hộ ông Lê Văn Tr và bà Ngô Thị Bích Tr1 không đúng theo quy định của Luật Đất đai đối với phần diện tích đất tranh chấp 1.691 m^2, vì: Diện tích này bà Lê Thị H đã sử dụng và có tài sản trên đất trước khi ông Lê Văn Tr, bà Ngô Thị Bích Tr1 sử dụng đất. Ông Lê Văn Tr và bà Ngô Thị Bích Tr1 đăng ký quyền sử dụng đất nhưng không có giấy tờ được sử dụng diện tích đất và tài sản trên đất. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện HTB kiến nghị Tòa án thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng diện tích đất tranh chấp 1.691 m^2 không phải là tài sản hợp pháp của cả nguyên đơn và bị đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả lại diện tích đất đo đạc hiện trạng 1.691m^2 là hoàn toàn có căn cứ. Ngoài ra, tại công văn số 682/UBND-NC ngày 10/4/2015 của Ủy ban nhân dân huyện HTB cũng xác định trên diện tích đất tranh chấp 1.691m^2 có 101 trụ thanh long và 10 trụ gỗ thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Lê Thị H nên Tòa án cấp sơ thẩm giao phần đất tranh chấp này cho bà H tạm thời quản lý là phù hợp. Mặc dù bà H là người có quá trình sử dụng đất, có tài sản trên đất nhưng chưa có tài liệu thể hiện là chủ sử dụng đất nên Tòa án cấp sơ thẩm chưa công nhận quyền sử dụng đất cho bà H mà tạm giao đất tranh chấp cho bà H tiếp tục quản lý, sử dụng để thực hiện các quyền của người sử dụng đất là có căn cứ.

[2.2] Đối với kháng cáo về phần án phí:

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị H về việc yêu cầu ông Lê Văn Tr và bà Ngô Thị Bích Tr1 phải trả lại diện tích đất đo đạc hiện trạng 1.691m^2 nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần này là đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, trên diện tích đất tranh chấp 1.691m^2 không chỉ có tài sản hợp pháp của bà H mà còn có 48 trụ thanh long và 03 trụ bê tông của ông Lê Văn Tr và bà Ngô Thị Bích Tr1. Do Tòa án cấp sơ thẩm giao phần đất tranh chấp này cho bà H tạm thời quản lý và mặt khác bà H cũng đồng ý nhận và hoàn lại giá trị bằng tiền cho ông Lê Văn Tr và bà Ngô Thị Bích Tr1 đối với 48 trụ thanh long và 03 trụ bê

tông nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Lê Thị H phải thanh toán cho ông Lê Văn Tr và bà Ngô Thị Bích Tr1 giá trị 48 trụ thanh long và 03 trụ bê tông với số tiền là 18.480.000 đồng theo biên bản định giá tài sản ngày 01/8/2014. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần thanh toán giá trị tài sản này cho bị đơn là phù hợp.

Tổng cộng, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 7.688.000 đồng là đúng quy định của pháp luật.

Đối với các yêu cầu khởi kiện khác của nguyên đơn bà Lê Thị H được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp.

Do vậy, đối với kháng cáo của bà H đề nghị xem xét về phần án phí cũng là không có căn cứ.

[3] Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không thể chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

[4] Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, và không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét đến.

[5] Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm nên bà Lê Thị H phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện HTB;

Căn cứ vào:

- Khoản 6, khoản 9, khoản 14 Điều 26; Điểm b, khoản 1, Điều 38; Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 256, Điều 604, Điều 605, Điều 609, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 4, Điều 5, Điều 95, Điều 99, Điều 100, Điều 166, khoản 1 Điều 179, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai;

- Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H, về việc yêu cầu ông Lê Văn Tr và bà Ngô Thị Bích Tr1 trả lại diện tích đất đo đạc hiện trạng 1.691m^2 tọa lạc tại Thôn PhĐ, xã HH, huyện HTB.

2. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện HTB thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 160830 ngày 06/9/2007 cấp đứng tên hộ ông Lê Văn Tr và bà Ngô Thị Bích Tr1, đối với diện tích đất 1.691m^2.

Giao cho bà Lê Thị H tạm thời quản lý diện tích đất 1.691m^2 tọa lạc tại Thôn PhĐ, xã HH, huyện HTB. Ông Lê Văn Tr và bà Ngô Thị Bích Tr1 có nghĩa vụ giao lại diện tích đất trên cho bà Lê Thị H tạm thời quản lý.

3. Về án phí:

Bà Lê Thị H phải chịu 7.688.000 đồng (bảy triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.150.000 đồng (một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000556 ngày 14/5/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HTB. Bà Lê Thị H còn phải nộp 6.538.000 đồng (sáu triệu năm trăm ba mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Văn Tr và bà Ngô Thị Bích Tr1 phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H, buộc ông Lê Văn Tr và bà Ngô Thị Bích Tr1 phải trả lại cho bà Lê Thị H 101 trụ thanh long và 10 trụ gỗ nằm trên diện tích đất đo đạc hiện trạng 1.691 m^2 tọa lạc tại Thôn PhĐ, xã HH, huyện HTB.

Ông Lê Văn Tr phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H, buộc ông Lê Văn Tr phải bồi thường cho bà Lê Thị H tiền chi phí điều trị thương tích.

Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà bà Lê Thị H đã nộp tại biên lai thu tiền số 0022998 ngày 14/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HTB. Bà Lê Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các phần còn lại như án sơ thẩm đã tuyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (02/4/2019).

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện HTB;
- THADS huyện HTB;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Ánh Tuyết